

XEM VẬN MỆNH THEO BÁT TỰ - TỬ BÌNH

Thân chào Quý Anh Tran Nguyen Yen Thanh, Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Tran Nguyen Yen Thanh lá số Tử Trạ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm, Quý Anh hãy kiểm tra lại thông tin cá nhân 1 lần nữa, để chắc không bị nhầm lẫn, vì nhầm lẫn thông tin thì kết quả sẽ sai.

Xin lưu ý về phần lời giải: trong một số ít đoạn bình giải chúng tôi lập chung cho cả nam và nữ, do đó nếu người xem là phái nữ mà có lời giải là 'lấy được vợ đẹp' thì phải hiểu ngược lại là 'chồng đẹp' và đối với người nam cũng vậy. Do đó Quý Anh đừng nghĩ là lời giải bị sai mà không an tâm.

THÔNG TIN CÁ NHÂN	
Họ Tên	Tran Nguyen Yen Thanh
Ngày Sinh Dương	Thứ Bảy, Ngày 24 Tháng 11 Năm 1984
Ngày Sinh Âm	Ngày Nhâm Tuất, Tháng Ất Hợi, Năm Giáp Tý (2/10/1984)
Tử Vi	Năm Giáp Tý, Tháng Ất Hợi, Ngày Nhâm Tuất, Giờ Giáp Thìn
Bát tự	Năm Giáp Tý, Tháng Ất Hợi, Ngày Nhâm Tuất, Giờ Giáp Thìn
Giờ Sinh	Thìn (7:00)
Giới Tính	Nam
Tuổi	Giáp Tý (41 tuổi)

Phái nam: Tran Nguyen Yen Thanh Năm Giáp Tý, Tháng Ất Hợi, Ngày Nhâm Tuất, Giờ Giáp Thìn

Trụ Năm	Trụ Tháng	Trụ Ngày	Trụ Giờ
Thực	Thương	Nhật / Sát	Thực
Giáp Tí	Ất Hợi	Nhâm Tuất	Giáp Thìn
Quý	Nhâm Giáp	Mậu Đinh Tân	Mậu Quý Ất
Kiếp	Tí Thực	Sát Tài Ấn	Sát Kiếp Thương
Đế vượng	Kiến lộc	Quan đới	Mộ
Thái-cực	Dức QN	Quốc-ấn	Dức QN
Dức QN	Lộc-thần	Tú QN	Hoa-cái
Kinh Dương	Địa-võng	Thiên-Y	-
Không-vong	Kiếp-sát	Quả-tú	-
-	-	Âm dương-lệch	-
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
Tài	Tài	Sát	Quan
Bính Tí	Đinh Sửu	Mậu Dần	Kỷ Mão
Quý	Kỷ Tân Quý	Giáp Bính Mậu	Ất
Kiếp	Quan Ấn Kiếp	Thực Tài Sát	Thương
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
Kiếp	Ấn	Tí	Kiếp
Canh Thìn	Tân Ty	Nhâm Ngọ	Quý Mùi
Mậu Quý Ất	Bính Canh Mậu	Đinh Kỷ	Kỷ Ất Đinh
Sát Kiếp Thương	Tài Kiếp Sát	Tài Quan	Quan Thương Tài

Dụng thần: Canh, Bính, Mậu

Cung mệnh: cung dần

Vòng Trường Sinh:

Tí	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Ty	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Mộc dục	Quan đới	Lâm quan	Đế vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt	Thai	Dưỡng	Trường sinh

All rights reserved by www.XemTuong.net

Trụ năm bị năm Canh Ngọ thiên khắc địa xung.

Trụ tháng bị năm Tân Ty thiên khắc địa xung.

Trụ ngày bị năm Mậu Thìn thiên khắc địa xung.

Trụ giờ bị năm Canh Tuất thiên khắc địa xung.

Thai nguyên: Bính Dần.

Thai tức: Đinh Mão.

1- Giáp Tí	2- Ất Sửu	3- Bính Dần	4- Đinh Mão	5- Mậu Thìn	6- Kỷ Tỵ
7- Canh Ngọ	8- Tân Mùi	9- Nhâm Thân	10- Quý Dậu	11- Giáp Tuất	12- Ất Hợi
13- Bính Tí	14- Đinh Sửu	15- Mậu Dần	16- Kỷ Mão	17- Canh Thìn	18- Tân Tỵ
19- Nhâm Ngọ	20- Quý Mùi	21- Giáp Thân	22- Ất Dậu	23- Bính Tuất	24- Đinh Hợi
25- Mậu Tí	26- Kỷ Sửu	27- Canh Dần	28- Tân Mão	29- Nhâm Thìn	30- Quý Tỵ
31- Giáp Ngọ	32- Ất Mùi	33- Bính Thân	34- Đinh Dậu	35- Mậu Tuất	36- Kỷ Hợi
37- Canh Tí	38- Tân Sửu	39- Nhâm Dần	40- Quý Mão	41- Giáp Thìn	42- Ất Tỵ
43- Bính Ngọ	44- Đinh Mùi	45- Mậu Thân	46- Kỷ Dậu	47- Canh Tuất	48- Tân Hợi
49- Nhâm Tí	50- Quý Sửu	51- Giáp Dần	52- Ất Mão	53- Bính Thìn	54- Đinh Tỵ
55- Mậu Ngọ	56- Kỷ Mùi	57- Canh Thân	58- Tân Dậu	59- Nhâm Tuất	60- Quý Hợi
61- Giáp Tí	62- Ất Sửu	63- Bính Dần	64- Đinh Mão	65- Mậu Thìn	66- Kỷ Tỵ
67- Canh Ngọ	68- Tân Mùi	69- Nhâm Thân	70- Quý Dậu	71- Giáp Tuất	72- Ất Hợi
73- Bính Tí	74- Đinh Sửu	75- Mậu Dần	76- Kỷ Mão	77- Canh Thìn	78- Tân Tỵ
79- Nhâm Ngọ	80- Quý Mùi	81- Giáp Thân	82- Ất Dậu	83- Bính Tuất	84- Đinh Hợi

Tháng chi cùng ngũ hành với ngày can (tỷ, kiếp): Ngày chủ cực vượng.

Trụ năm có thực thần (thực) thì được âm đức của bố mẹ, sự nghiệp phát đạt, một đời bình an phúc lộc. Nếu tứ trụ có sao tài thì phúc lộc càng tăng. Trường hợp can Thực thần có chi Tỷ kiếp thì làm con nuôi.

Trụ tháng có thương quan (Thương): anh em duyên mỏng, bất hòa, bất hiếu. Trường hợp can và chi đều thương quan thì anh em vợ chồng phân ly.

Trụ ngày có Thiên quan (sát) thì bạn đời tính cứng rắn, thích bạo động, nếu không có thực thần chế thì vợ chồng bất hòa, lại gặp xung thì lắm tai nhiều bệnh. Nếu có thực thần chế hoặc hợp thành tượng khác thì có thể giải. Nếu 4 can đều có thiên quan (sát) mà không có chế phục thì nhiều tai họa.

Trụ giờ có thực thần (thực) thì con cái hòa thuận, không lo kể sinh nhai. Có tài ăn nói, thích hưởng thụ. Nếu tọa kiến lộc, vượng địa thì con cái tất phát đạt. Nếu tọa thiên ấn (kiêu) thì con gái khó lấy chồng, con trai lắm bệnh tật.

Ngày chi xung giờ chi: Khắc vợ tổn con.

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Quốc ấn quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130) "Quốc ấn quý nhân trong dự đoán nói chung ít dùng, nhưng người trong tứ trụ có quốc ấn quý nhân và sinh vượng thì hầu hết làm chức to trong nhà nước hoặc nắm quyền quản lý ở cơ quan. Sao này cũng có thể tham khảo để các cơ quan dùng tuyển người giữ chức cao. Người tứ trụ có quốc ấn, chỉ về thành thực đáng tin, nghiêm túc thanh liêm, quy củ, hành sự theo lẽ công, vui vẻ với mọi người, lễ nghĩa nhân từ, khí chất hiên ngang. Nếu ấn gặp sinh vượng và có cát tinh tương trợ, không gặp xung, phá, khắc, hại thì không những có thể đứng đầu cơ quan mà còn có khả năng tốt."

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132): Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132): Có tú quý nhân là hòa hợp với tứ khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá. a: Hoa cái với sao ấn cùng chi (ấn là hỷ dụng thần) thì tài hoa. b: Gặp không vong hoặc hình xung phá hoặc: phá hoại danh lợi hoặc làm tăng ni, làm vợ lẽ hoặc bốn tẩu giang hồ. c: Hoa cái ở trụ ngày tạo vận mệnh: khắc vợ, ở trụ giờ khắc con. d: Hoa cái gặp chính ấn ở vận vượng: quan tước

cao, quyền vị lớn.

Lộc thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 139): Lộc là tước lộc, nhờ có thể lực mà được hưởng gọi là lộc. Lộc là nguồn dưỡng mệnh. Lộc ở chi năm gọi là tuế lộc, ở chi tháng gọi là kiến lộc, ở chi ngày gọi là chuyển lộc, ở chi giờ gọi là quy lộc. Người thân vượng mà có lộc thì tài nên thấy khác, lộc gặp thân yếu thì tài kỳ thấy khác. Lộc mà từ suy đến tử, kể cả tử tuyệt, nếu không có cát thần hỗ trợ thì nhất định phá tan sự nghiệp tổ tiên. Lộc sợ nhất là nhập không vong hoặc bị xung, nếu lấy nó làm dụng thần, không may nhập không vong hoặc bị xung lại không có cát thần giải cứu thì nhất định dói rách, ăn xin, làm thuê phiêu bạt khắp nơi. Nếu không bị như thế thì cũng không có danh vọng gì, có lộc như không. Lộc phạm xung gọi là phá lộc, như lộc giáp ở dần gặp thân là phá, khí tán không tụ quý nhân thì bị đình chức, tước quan, thường dân thì cơm áo không đủ. Lộc gặp xung hoặc địa chi của tháng kiến lộc là nghèo đến mức không được hưởng nhà cửa cha mẹ để lại, hoặc rời bỏ quê hương, đi mưu sinh nơi khác. Lộc nhiều thân vượng không nên gặp sống dê (kiếp tài), nếu không sẽ khác vợ (chồng), khác cha. Lộc còn là ngang hòa, nếu gặp đất quan vượng là tốt, nhật nguyên yếu mà có thần lộc giúp đỡ lại gặp ấn sinh cát tinh trợ giúp thì sẽ thành sự nghiệp, là người có phúc. Nên tham khảo thêm. ..

Kiếp sát: Hỷ thì xung kỵ thì hợp. a: Chi của kiếp sát hợp với các chi khác: vì tửu sắc phá gia tài. b: Với thiên quan cùng chi: có tai họa ngoài ý nghĩ. c: Với thiên ấn quý nhân cùng trụ: có mưu lược có uy danh. d: Với hỷ dụng thần cùng chi: tài trí hơn người, thông minh mẫn cán. e: Với thiên quan, dương nhấn cùng trụ, kỵ thần cùng chi: kiện tụng liên miên, hết tai nạn này lại đến tai nạn khác. f: Với kiến lộc cùng trụ: ham mê rượu chè.

Quả tú (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130) "Những người mà trong mệnh gặp quả, tú là những người có nét mặt không tươi vui, hơi khắc khổ, không lợi cho người thân. Nếu mệnh người đó sinh vượng thì còn đỡ, tử tuyệt thì nặng hơn, nếu gặp cả trạch mã thì lang thang bốn phương. Nếu gặp tuần không, vong là tử bé đã không có nơi nương tựa. Gặp tang điều thì cha mẹ mất liền nhau, suốt đời hay gặp trùng tang hoặc tai họa chồng chất, anh em chia lìa, đơn hàn bất lợi. Gặp vận tốt thì việc hôn nhân muộn, gặp vận thấp kém thì lang thang đời chuyển mãi. Mệnh nam, sinh chỗ vợ tuyệt lại còn gặp cô thần, thì suốt đời khó kết hôn, nữ mệnh sinh chỗ chồng tuyệt còn gặp quả tú thì có lấy được chồng cũng khó mà bách niên giai lão. Nam gặp cô thần nhất định tha phương cầu thực, nữ gặp quả tú thường là mất chồng. Cô thần, quả tú người xưa bàn rất nhiều, chủ về nam nữ hôn nhân không thuận, mệnh khắc lục thân, tai vạ hình pháp, nhưng nếu trong tứ trụ phối hợp được tốt, còn có quý thần tương phù thì không đến nỗi nguy hại thậm chí "cô quả cả hai thần lại còn gặp quan ấn, thì nhất định làm đầu đảng ở rừng sâu". Nhưng hôn nhân thường không thuận là điều chắc, hơn nữa lúc phạm vào ngày tháng sẽ khắc phụ mẫu.

Âm dương lệch (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 163): Nữ gặp phải là chị em dâu không toàn vẹn, hoặc bị nhà chồng từ chối. Nam gặp phải là bị nhà vợ từ chối, hoặc cãi cọ mâu thuẫn với nhà vợ. Gặp phải sát này, bất kể nam hay nữ, tháng, ngày, giờ có hai hay ba cái trùng nhau là rất nặng. Trụ ngày phạm phải là chủ về không được gia đình chồng (vợ) ủng hộ, dù có được nhờ thì vẫn là hư vô, thậm chí về sau còn oán lẫn nhau, không đi lại nữa. Âm dương lệch nhau thì rất xấu, là tiêu chí thông tin rõ nhất về hôn nhân không thuận, trong thực tế rất ứng nghiệm.

Sống dê / Kinh Dương / Dương Nhấn (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 150) "Chi năm có sống dê, chủ về phá hoại những cái tổ tiên để lại hoặc có khuynh hướng lấy oán báo đức; Chi tháng có sống dê chủ về tính tình ngang ngược, khác người; Chi ngày có sống dê chủ mất lòng, tính nóng hung bạo hại người hay theo bè đảng, gặp sinh vượng còn đỡ, gặp tử tuyệt thì nặng hơn. Người mà ngũ hành lại gặp sống dê thì dễ gặp tai nạn máu me, ngày gặp sống dê còn chủ về vợ hay bệnh tật; Chi giờ gặp sống dê chủ về khắc vợ khắc con hoặc cuối năm hay gặp tai họa, nếu gặp tài quan thì họa khá sâu, tương xung hoặc tương hợp với tuế vận thì tai họa ập đến ngay. Cho nên nói sống dê trùng phùng thì bị thương tổn, chủ nhân tính nóng gắt, nếu gặp hình xung thì rơi vào tai ách, nếu bị chế ngự thì mới tốt". Nam gặp sống dê (ở mệnh?) lấy vợ hai lần, nữ gặp sống dê tất sẽ tái giá. Nữ nếu trụ ngày sống dê gặp sát, nếu không làm vợ lẽ thì cũng là ni cô. Trích sách Can Chi Thông Luận: Sống dê là sao có đặc thù hình phạt, cần phải không xung không hợp có chế ngự mới tốt. a: Sống dê gặp hình xung thì hại người. b: Hội hợp thì lao khổ vất vả. c: Trụ trụ có nhiều Sống dê thì vợ chồng xung khắc, thương khắc con cái, có ba sao trở lên bị tàn tật hoặc mù lòa. d: Ngày có Sống dê thì nam khắc vợ, nữ khắc chồng. e: Ngày chủ vượng kỵ Sống dê. Ngày chủ xung thích Sống dê hộ vệ bảo vệ thân thể. f: Sao sát không có Sống dê không hiển lộ. Sống dê không có sao sát thì không có uy. Trong Mệnh có Sống dê, thiên quan càng vượng lại có chính ấn tiếp trợ gọi là "Sát ấn tương sinh" Sống dê trợ uy không gì không quý hiển. g: Mệnh nam nhiều Sống dê: cung vợ có tổn thất. Mệnh nữ nhiều Sống dê: lẳng lơ hoang dâm. h: Chính tài Sống dê cùng trụ: có triệu chứng phá tài. Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn. Chính ấn và Sống dê cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật. i: Ngày chủ mạnh, mệnh cục có Sống dê, không có thiên quan. Năm vận gặp thiên quan vượng: Chuyển họa thành phúc, hoặc có sao ấn không có thiên quan: năm vận gặp thiên quan vượng có phúc. j: Trong mệnh sao Sát, Sống dê đều có: hành vận Sống dê Kiếp sát, lập nghiệp công danh, hoặc thủ nghĩa xả thân thành danh. k: Sống dê ở vận tử, tuyệt cùng trụ: tính tình độc ác. Với Mộc dụng cùng trụ: gặp bệnh hiểm nghèo. l: năm có Sống dê: Xuất thân nghèo hèn, hoặc có tính lấy oán báo ân. Tháng có Sống dê: tính thích khoa trương hoặc cha mẹ anh em không có tài. m: Ngày có Sống dê: Vợ hoặc chồng yếu đau bệnh tật. n: Giờ có Sống dê: về già có họa, tổn thương con cái, ngày vận yếu thì không sao. o: Nữ mệnh ngày chi thương quan lại có Sống dê dễ gặp tai ách. p: Sống dê xung hợp năm vận: gặp phúc tất tai nạn sẽ đến. q: Tài là kỵ thần: Chi gặp Sống dê can là sao tài gọi là nhấn đầu tài. Chi tọa kiến lộc can là sao tài gọi là lộc đầu tài. Năm vận gặp Sống dê hoặc sao tài thì vì tài mà mất danh hoặc vợ chồng gặp chuyện thị phi, trộm cắp thương thân.

Kiến lộc cách (ngoại cách): Trích sách Tử Bình Nhập Môn của Lâm Thế Đức trang 53. 10 Thiên can từ Giáp đến Quý mà sinh vào tháng thuộc Lộc như Giáp gặp Dần, Ất gặp Mão, Bính gặp Tỵ, Đinh gặp Ngọ, Mậu gặp Tỵ, Kỷ gặp Ngọ, Canh gặp Thân, Tân gặp Dậu, Nhâm gặp Hợi, Quý gặp Tí tất cả đều là Kiến Lộc cách. Vì sinh trong tháng Lộc nên Nhật nguyên đã cưỡng mạnh, không phải như các cách trên, phải nhờ có chi của năm, của ngày và của giờ giúp mới được mạnh. Có thể điều khiển được Tài, Quan, Thực, Thương, nếu phối hợp cho điều hòa thì tất được thành công dễ dàng vậy. VẬN HẠN: 1. Tài nhiều mạnh, nên lấy Tỵ, Kiếp làm Dụng thần. Hạn gặp Ấn, Tỵ, Kiếp là vận tốt. Gặp Tài, Quan là vận xấu. 2. Tài tuy nhiều nhưng Nhật nguyên có Ấn, Tỵ, Kiếp giúp nên lấy Quan, Sát làm Dụng thần. Hạn gặp Quan, Sát là vận tốt. Gặp Ấn, Tỵ là vận xấu. 3. Tài tuy nhiều nhưng Nhật nguyên có Ấn giúp nên lấy Thương, Thực làm Dụng thần. Hạn gặp Thương, Thực, Tài là vận tốt. Gặp Ấn, Tỵ, Kiếp là vận xấu. 4. Quan, Sát nhiều và mạnh nên lấy Ấn làm Dụng thần. Hạn gặp Ấn, Tỵ, Kiếp là vận tốt. Gặp Tài, Quan là vận xấu. 5. Ấn nhiều nên lấy Tài làm Dụng thần. Hạn gặp Tài, Thương, Thực là vận tốt. Gặp Ấn, Tỵ là vận xấu. 6. Tỵ, Kiếp nhiều nên lấy, Quan, Sát làm dụng thần. Hạn gặp Quan, Sát, Tài là vận tốt. Gặp Ấn, Tỵ, Kiếp là vận xấu.

Trụ ngày và trụ giờ có thìn tuất tương xung nhau thì nên rời xa quê hương là tốt.

Năm tháng không có tài quan là tự mình phấn đấu làm nên cơ nghiệp.

Trụ tháng có thương quan là anh em bị thương tổn. Trước hoặc sau khi mình sinh ra sẽ có tang anh hoặc chị. Cũng có người có tang em trai hoặc em gái; hoặc em trai, em gái bị tai nạn. Nói chung là em ít bị hơn, anh chị bị nhiều hơn.

Trụ ngày trụ giờ đều gặp thìn tuất tương xung là vừa có vợ lẽ, vừa nằm không.

Ngày giờ đối xung nhau thì vợ chồng bất hòa và không lợi cho con cái.

Để vượng chủ: thịnh vượng, lớn mạnh, độc lập, đi một mình, làm chủ, quyền uy, danh vọng, mưu trí, tài học, hay đi. Cột năm có đế vượng, con nhà gia thế lương thiện, giàu có, có danh vọng nên nhiều tự ái.

Lâm quan (Kiến lộc) chủ lương thiện, cung kính, khiêm nhường, cao thượng, thịnh phát, danh vọng, tài lộc, phong lưu, sống lâu, vinh hoa. Trụ tháng có lâm quan nửa đời sự nghiệp hưng vượng nhưng không ở tại quê quán. Nếu có Kiếp tài cùng trụ thì ham mê tửu sắc.

Quan đới chủ có địa vị cao, phát triển, thành công, được tôn kính, có đức, hưởng thượng, thịnh vượng, từ bi, uy nghiêm, có danh vọng. Quan đới bị hình xung hoặc tứ trụ có Thương, Kiếp tài, Thực, Thiên ấn ở sát bên cột Quan đới, không có sao tốt giải cứu thì hay làm việc bất chính, thích đầu cơ tích trữ, khinh đời, kết cục phá gia bại sản, mang tiếng xấu cho cả gia đình. Trụ ngày có quan đới, lúc nhỏ bất như ý, lớn lên phát như vận rồng gặp mây. Nếu có Thiên hoặc Nguyệt đức, người có từ tâm và có tài, trong xã hội được nhiều người tôn kính, danh vọng cao, đối với anh em rất tốt. Riêng nữ mệnh, trụ ngày có quan đới dung mạo đoan chính, lấy được chồng tốt; trừ sinh vào ngày nhâm tuất, quý Sửu, hoặc gặp sao xấu thì vợ chồng sớm xa cách.

Mộ chủ: xa gia đình, suy bại, duyên phận bạc bẽo, bần hàn, lo buồn, lao khổ. Trụ giờ có Mộ lúc nhỏ hay đau ốm, gầy yếu, con cái ít, khổ vì con. Mộ là chỗ chôn cất chứa giấu đi, tứ trụ có chi hình xung, với chi cột an mộ, Mộ sẽ dùng được. Trong trường hợp không có chi hình xung, gặp Tài là người keo bẩn, coi đồng tiền hơn cả tính mệnh, lúc nào cũng bo bo giữ lấy tiền, suốt đời là đầy tớ của tiền của, không dám ăn tiêu.

Thìn, tuất của ngày giờ tương xung nhau nên tuy có con nhưng con học hành không đỗ đạt.

Thực thần đóng ở trụ giờ là con cái béo khỏe, đẹp.

Trụ ngày có thất sát: lúc sinh vắng mặt cha.

Cha có thương quan là sinh con gái.

Cha có thực thần là sinh con trai.

Nam có can ngày, can giờ tương sinh là sinh con gái đầu lòng.

Tứ trụ có thực nhiều số ít con.

Ngày giờ tương xung nhau thì không lợi cho con cái.

Thương quan gặp Thương vận là bệnh tật liên miên.

Trụ tháng có Sát hoặc Thương quan, hành đến vận Thương quan thì phải đề phòng bệnh mắt.

Thất sát hoặc kiêu thần đóng ở trụ ngày là vợ nhiều mà đẻ ít, khí huyết không điều hòa.

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Trần Nguyen Yen Thanh thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trần Trọng.

XemTuong.net